



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

MỤC LỤC

Giới thiệu tổng quan về Công ty
Khái quát chung
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề sản xuất kinh doanh
Hệ thống phân phối hàng hóa
Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh
Danh mục sản phẩm chủ lực của Công ty
Thành tích Công ty đạt được trong năm 2020
Cơ cấu tổ chức Công ty
Công ty con, công ty liên kết
Định hướng phát triển của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng kết tình hình kinh doanh năm 2020
Mục tiêu kinh doanh năm 2021
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo tình hình hoạt động năm 2020
Kế hoạch hoạt động năm 2021

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin Công ty
Báo cáo của Ban giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

A. KHÁI QUÁT CHUNG

❖ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Tên viết bằng tiếng Anh	Vinacafé Bien Hoa Joint Stock Company
Tên viết tắt	VINACAFÉ BH
Mã chứng khoán	VCF
Sàn niêm yết chứng khoán	Sở Giao dịch Chứng khoán TP, HCM (HOSE)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp: 3600261626, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 15 vào ngày 13 tháng 07 năm 2020.
Vốn điều lệ	265.791.350.000 đồng
Số lượng cổ phần phát hành	26.579.135 cổ phần.

❖ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại	0251.3836554
Website	www.vinacafebienhoa.com

B. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1968: Ông Marcel Coronel - Nhà máy cà phê Coronel

Năm 1968, Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong toàn khu vực các nước Đông Dương.

1975: Nhà máy cà phê Biên Hòa ra đời

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình ông Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghiệp Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel đã chạy thử mẻ cà phê hòa tan, nhưng không thành công, bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa tìm được cách “thuần phục” được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan này.

1977: mẻ cà phê hòa tan đầu tiên thành công



Vào đúng dịp kỷ niệm 02 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà máy cà phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên,

Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

1978: bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan ra nước ngoài

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống Xã hội chủ nghĩa về hàng đổi hàng, từ 1978 Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

1983: ra đời thương hiệu Vinacafé



Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, cái tên “Vinacafé” bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

1990: quay trở lại chinh phục người tiêu dùng Việt Nam

Vào cuối những năm 1980, các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm, theo cùng với tốc độ diễn biến bất lợi của hệ thống Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha độn (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn đậu nành, ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

1993: sản phẩm đầu tiên: Cà phê hòa tan 3 trong 1 ra đời



Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thỏa mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

1998: mở rộng sản xuất, xây dựng nhà máy cà phê thứ hai



Năm 1998 đánh dấu cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc của Vinacafé Biên Hòa. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 02 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

2004: Cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa được thành lập

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Yêu quý đứa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là cán bộ công nhân viên của Nhà máy

Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Vinacafé BH”, “VCF”, “Vinacafé Biên Hòa”, “Công ty”). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

2010: Trên đà phát triển, xây nhà máy thứ ba ở Khu Công nghiệp Long Thành



Ngày 15/12/2010, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 ha tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy thứ ba này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan/năm, dự kiến khi đi vào hoạt động, mỗi năm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1; 3 trong 1 theo công nghệ hiện đại của Châu Âu.

Cùng trong năm này, vào tháng 11/2010, Công ty đã đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

2011: Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán



Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE với mã chứng khoán là VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Cũng trong năm này, vào tháng 9/2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (tên Công ty viết tắt: Masan Consumer) đã chào mua công khai cổ phiếu VCF và trở thành công ty mẹ của VCF.

2012: Hợp nhất hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer



Vào quý I/2012, hợp nhất hai hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer tạo thành một hệ thống phân phối chung, phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Quý II/2012, phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm R&D được thành lập trên cơ sở từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới của phòng KCS đáp ứng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Cũng trong năm này, quý III/2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP) và bước đầu áp dụng hệ thống ERP này trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2013: Vận hành dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại Nhà máy Long Thành

Vào quý II/2013, Công ty đã bắt đầu vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại Nhà máy Long Thành.

Tháng 04/2013, nguyên Tổng Giám đốc Công ty – Ông Phạm Quang Vũ được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Vào tháng 05/2013, Ông Nguyễn Tân Kỳ được bổ nhiệm và chính thức là Tổng Giám đốc của Công ty.

2014: Khẳng định vị trí hai thương hiệu chủ lực: Vinacafé và Wake-up,



Đầu tháng 3/2014: bằng cách thay đổi diện mạo bao bì mới, Công ty đã tái giới thiệu các sản phẩm cà phê sữa vàng truyền thống bao gồm: Cà phê hòa tan 3in1 Gold Original, Gold Gu đậm và Gold Gu đậm hơn, qua đó, khẳng định vị trí số 1 về cà phê hòa tan trên thị trường nội địa (*chiếm 41% thị phần theo số liệu của Công ty nghiên cứu thị trường AC Nielsen 12/2014*).



Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới có nguồn gốc từ cà phê, vào ngày 30/3/2014, Vinacafé Biên Hòa đã tung sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247, đánh dấu bước phát triển mới của Công ty khi chính thức bước chân vào ngành hàng nước giải khát với thị trường có tiềm năng rộng lớn.

Tháng 10/2014, Vinacafé là thương hiệu cà phê duy nhất đại diện cho Việt Nam đồng hành cùng chương trình Tàu thanh niên Đông Nam Á và Nhật Bản tôn vinh giá trị Việt.

Đến năm 2017, nhãn hiệu Vinacafé được Bộ Khoa học và Công nghệ kết hợp cùng Hiệp hội nhãn hiệu quốc tế (INTA) chính thức công nhận là Nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam trong dự án bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam (Vinacafé là 1 trong 6 nhãn hiệu tại Việt Nam được công nhận).

Tháng 12/2020: Vinacafé tiếp tục được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn 2020 – 2022, đồng thời là doanh nghiệp tự hào đạt Thương hiệu quốc gia 7 lần liên tiếp.



Tổng Giám đốc – Ông Đoàn Quốc Hưng nhận cúp và chứng nhận Thương hiệu quốc gia 2020-2022

C. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1.	1079 (chính)	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm. - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, - Sản xuất sữa tách bơ và bơ. - Sản xuất sản phẩm cô đặc nhân tạo.
2	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán lẻ ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
3	4632	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: - Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán buôn ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: cho thuê nhà xưởng
5	1073	Sản xuất ca cao, sô cô la, mứt kẹo
6	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
7	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy pha cà phê
8	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì máy pha cà phê
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy pha cà phê

D. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA

- Hơn 160.000 điểm bán lẻ sản phẩm đồ uống;
- 3.000 nhân viên bán hàng;
- 08 trung tâm phân phối trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Từ những năm 2012, khi trở thành công ty con thuộc Tập đoàn Masan, hệ thống phân phối sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa đã được tích hợp vào mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống rộng lớn của Masan. Tính đến thời điểm báo cáo, hệ thống phân phối hàng hóa của Masan là một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam với hơn 160.000 điểm bán lẻ sản phẩm đồ uống, 3.000 nhân viên bán hàng phủ thị trường, 08 trung tâm phân phối đảm bảo phân phối hàng hóa trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Trên cơ sở thấu hiểu tính đặc thù chuyên biệt của việc phân phối đồ uống khác với phân phối hàng thực phẩm, Masan đã nhanh chóng xây dựng và phát triển một đội ngũ bán hàng dành riêng cho ngành hàng đồ uống cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Mạng lưới phân phối sâu, rộng, tăng trưởng vô cùng nhanh chóng và mạnh mẽ của Masan đã giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa được bao phủ và tiếp cận thị trường sâu rộng nhất, đạt tốc độ

tiếp cận thị trường rất nhanh, đặc biệt khi Công ty tung ra các sản phẩm mới và các sản phẩm khuyến mại.

Điểm đặc biệt chú ý, vào ngày 03/12/2019, tập đoàn Masan và tập đoàn Vingroup đã thỏa thuận nguyên tắc về việc hoán đổi cổ phần của Công ty VinCommerce và Công ty VinEco và cùng nhau tạo ra một Tập đoàn Hàng tiêu dùng – bán lẻ mới có sức cạnh tranh vượt trội và quy mô hàng đầu Việt Nam, sở hữu mạng lưới với hơn 2.600 siêu thị và cửa hàng VinMart & VinMart + tại 50 tỉnh thành cả nước với hàng triệu khách hàng cùng kinh nghiệm 20 năm trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng từ Masan sẽ giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa được tiếp cận người tiêu dùng một cách nhanh nhất.

Về mảng xuất khẩu, các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa càng ngày được bạn bè quốc tế đón nhận, yêu thích. Chúng tôi đã mở rộng xuất khẩu ra thị trường quốc tế đến nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Canada, Đài Loan,...bằng việc luôn nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình HACCP, FSSC, BRC, Halal,...



Vinacafé Chát Sỏi Gòn – một dòng sản phẩm cà phê hòa tan của Vinacafé Biên Hòa

E. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Các nhà máy sản xuất được đặt tại:
 - Trụ sở chính Công ty: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
 - Chi nhánh Nhà máy cà phê Biên Hòa II: Lô C I,III -3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
 - Chi nhánh MSI - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa: Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

F. DANH MỤC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY

Cà phê hòa tan mang thương hiệu Vinacafé và Wake-up

Là dòng sản phẩm chủ lực của Công ty ngay từ ngày đầu thành lập, lần đầu tiên ra mắt, sản phẩm cà phê hòa tan 3 trong 1 (với ba thành phần chính: cà phê, đường, bột kem) được người tiêu dùng đón nhận như một món quà vừa quen thuộc, vừa lạ lẫm khi có thể thưởng thức được ngay ly cà phê nguyên bản thơm ngon mà không cần chờ đợi từng giọt cà phê tí tách như pha phin mà vị ngon, vị đậm đà không hề thua kém – mở ra một bước đột phá và thành công mới cho Vinacafé Biên Hòa.



Cà phê rang xay mang thương hiệu Vinacafé và Wakeup

Thuần khiết từ cà phê nguyên chất Robusta và Arabica 100% hảo hạng đem đến hương vị cà phê phin thuần khiết.



Ngũ cốc dinh dưỡng mang thương hiệu B'fast



Nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247



G. THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2020

Giấy chứng nhận về hệ thống quản lý

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện và cải tiến hệ thống quản lý về chất lượng, môi trường, năng lượng, an toàn sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, an toàn thực phẩm thể hiện cam kết cao nhất của Công ty nhằm đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, chất lượng cao, tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm và trách nhiệm với cộng đồng.

Tính đến thời điểm báo cáo, Công ty đã đạt các chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015;
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe và Bệnh nghề nghiệp 45001: 2018.
- Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SA8000:2014;
- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001: 2011;

- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn FSSC 22000;
- Giấy chứng nhận Halal Jakim theo tiêu chuẩn MS 1500:2009;
- Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao - chuẩn hội nhập năm 2020;
- Giấy chứng nhận đăng ký FDA (Hoa Kỳ);
- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC).

Giải thưởng đạt được trong năm qua

1. Vinacafé Biên Hòa được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn 2020 - 2022, đồng thời là doanh nghiệp tự hào đạt Thương hiệu quốc gia 7 lần liên tiếp;
2. Top 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống năm 2020;
3. Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao – chuẩn hội nhập, ngành hàng thực phẩm.



Hình ảnh đại diện của Công ty lên nhận giải thưởng Top 10 Công ty uy tín ngành đồ uống năm 2020.

Đây là một chứng nhận uy tín do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và báo VietNamNet – Bộ Thông tin và Truyền thông công bố dựa trên kết quả nghiên cứu độc lập và khách quan của Vietnam Report.

Vinacafé Biên Hòa liên tục 4 năm liền được công nhận Top 10 Công ty uy tín ngành đồ uống.

H. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Ban Điều hành (Ban giám đốc);
5. Các Phòng ban chức năng.

- Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Đại hội đồng Cổ đông cũng bầu ra Ban kiểm soát, giúp Đại hội đồng cổ đông kiểm soát nội bộ công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn và 03 nhà máy sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.
- Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 6 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2020 đến năm 2025.
- Để giám sát hoạt động tài chính của Công ty, đại diện cho cổ đông giám sát tính hợp pháp các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, bảo vệ quyền lợi cho Công ty và cổ đông. Đại hội đồng cổ đông đã bầu ra Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm 03 thành viên, trong đó cả 03 thành viên đều có trình độ chuyên môn về tài chính, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm kỳ hiện tại của Ban Kiểm soát là từ năm 2020 đến năm 2025.
- Ban Điều hành Công ty bao gồm 03 thành viên (01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách chuyên môn, 01 Kế toán trưởng). Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

I. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

 **Công ty con:** Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Café De Nam (trước đây tên là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại CDN), địa chỉ trụ sở chính: Lô C I,III -3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất cà phê, bán máy pha cà phê,...
- Vốn điều lệ thực góp: 199.700.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Công ty con: 97,77% vốn chủ sở hữu.

 **Công ty liên kết:** Không có.

J. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

Kế hoạch 10 năm 2015-2025:

- Duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê hòa tan tại Việt Nam.
- Xuất khẩu cà phê chế biến đến các thị trường trọng điểm.
- Từng bước thâm nhập thị trường đồ uống có nguồn gốc từ cà phê và các sản phẩm thực phẩm khác.
- Đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu VINACAFÉ, WAKE-UP rộng khắp, lớn mạnh, đủ tầm phát triển.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch 10 năm 2015-2025 ở trên, trong 05 năm tới, bằng khát vọng tiên phong và chiến lược phát triển kinh doanh bền vững, Vinacafé Biên Hòa tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam. Bên cạnh đó, bằng việc sở hữu thương hiệu Vinacafé - giá trị di sản văn hóa Việt - chúng tôi sẽ luôn giữ trọn vẹn thương hiệu đúng với bản chất di sản và luôn bền vững trên giá trị thật tồn tại hơn 50 năm qua, nâng tầm cho nó trở thành một thương hiệu Quốc gia được nhận diện trên toàn thế giới, trở thành biểu tượng của cà phê Việt Nam để người tiêu dùng trên khắp thế giới khi nhắc đến cà phê Việt Nam sẽ nghĩ đến Vinacafé.

Vinacafé Biên Hòa sẽ tiếp tục là một doanh nghiệp lớn, sở hữu nhiều thương hiệu mạnh, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng khắp thế giới bằng sản phẩm chủ lực là cà phê và các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê chất lượng cao, giá cả hợp lý trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu của họ và tuân thủ giá trị cốt lõi của Công ty. Đồng thời, Vinacafé Biên Hòa cũng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp rõ ràng, phù hợp, định hướng các mối quan hệ hướng về người tiêu dùng, về xã hội và người lao động, các chủ sở hữu:

- Đối với người tiêu dùng là tạo niềm tin của họ đối với các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
- Đối với xã hội và môi trường là sự đảm bảo các trách nhiệm về việc giữ vững môi trường thân thiện và phát triển bền vững.
- Đối với người lao động và các chủ sở hữu là luôn đảm bảo lợi ích các cổ đông và tính nhân văn.

Với hình ảnh của doanh nghiệp như trên đã giúp cho Cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa luôn ý thức được trách nhiệm của họ trong việc góp phần tạo nên sự phát

triển cho Công ty, cùng kề vai sát cánh đóng góp sức lực của mình đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn cùng với niềm tự hào được làm việc tại Công ty có truyền thống lâu đời.

Các giải pháp chiến lược:

Về sản xuất:

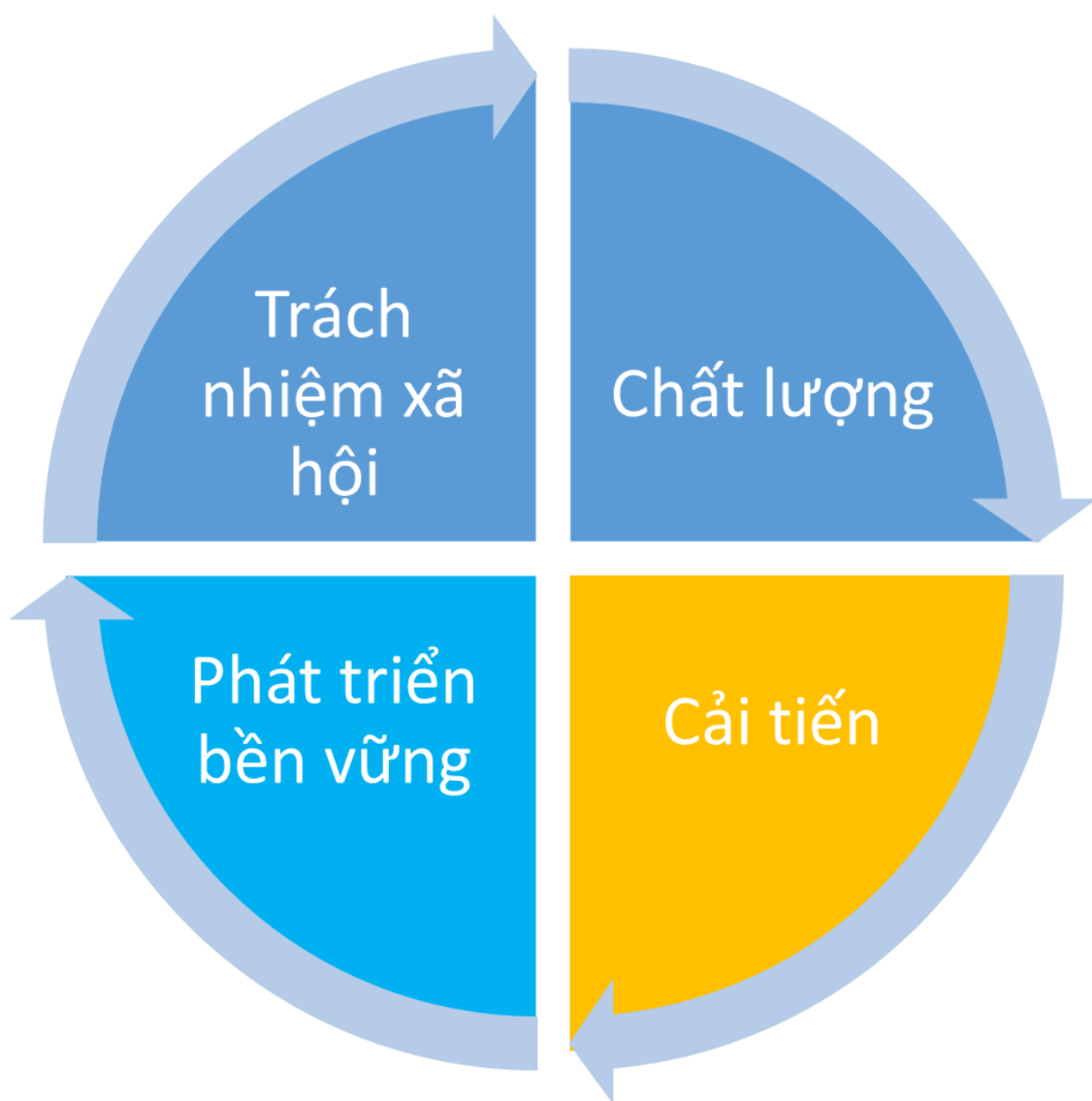
- Đầu tư thiết bị máy móc mới, hiện đại và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động. Kiểm soát tốt chi phí theo định mức.
- Cải tiến hệ thống thiết bị máy móc sẵn có, điều chỉnh thông số kỹ thuật máy để phù hợp với chương trình sản xuất hiện tại.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, theo đó, cùng với việc giữ vững sản phẩm cà phê truyền thống, tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê.

Về nguồn nhân lực:

- Luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- Tuyển dụng nhân tài có chuyên môn giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng, chăm sóc, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, giỏi nhằm mang tính kế thừa.
- Chú trọng công tác đào tạo nhân lực bằng nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, kỹ năng làm việc của cán bộ công, nhân viên Công ty.
- Hoàn thiện chính sách đãi ngộ người lao động phù hợp để tương xứng với công sức đóng góp cũng như giữ vững sự gắn bó, gắn kết của người lao động với Công ty.

Về thị trường kinh doanh:

- Tối ưu hóa thể mạnh của hệ thống phân phối rộng lớn của Masan, Đẩy mạnh phân phối hàng bằng kênh siêu thị, chợ nhỏ lẻ.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu người tiêu dùng để thực hiện phát triển sản phẩm mới, cải tiến các sản phẩm hiện tại ngày càng tốt hơn.
- Mở rộng đối tượng tiêu dùng phân khúc bình dân.
- Tìm kiếm các thị trường xuất khẩu còn nhiều tiềm năng mà sản phẩm Công ty chưa thâm nhập được, đẩy mạnh phân phối hàng ở các thị trường quốc tế hiện tại.
- Công nghệ số hóa trong quản lý doanh nghiệp.



PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

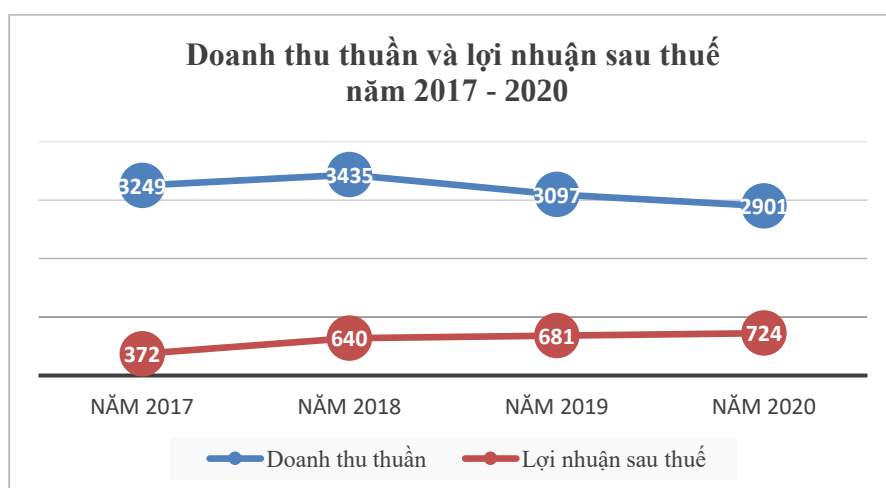
A, TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Bối cảnh tình hình cà phê hòa tan trong nước năm 2020:

- Năm 2020, do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid 19 trên thế giới và trong nước khiến cho việc xuất khẩu cà phê hòa tan ra nước ngoài gặp nhiều khó khăn dẫn đến các doanh nghiệp sản xuất cà phê trong nước chuyển hướng sang đẩy mạnh và chú trọng đến thị trường tiêu thụ trong nước, việc này được xem là giải pháp vượt qua lúc khó khăn bằng việc nhiều doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống nhà máy cà phê rang xay, hòa tan tạo nhiều sản phẩm có chất lượng; nhiều quán café, chuỗi quán café mang phong cách hiện đại, tiện lợi được phát triển thu hút được nhiều khách hàng trẻ tìm và thưởng thức café.
- Thị trường tiêu dùng về ngành đồ uống đặc biệt là café khá sôi động, nhiều sản phẩm cà phê nguyên chất, hữu cơ, độc đáo về chất lượng (cà phê có hạnh nhân, sữa dừa, café viên nén...) được ra mắt.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm:

- Kết thúc năm 2020, Vinacafé Biên Hòa đạt doanh thu thuần 2.901 tỷ tương đương 92% so với kế hoạch và giảm 6% so với doanh thu thuần năm 2019. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty đạt 724 tỷ đồng tương đương 99.99% so với kế hoạch và cao hơn 6% so với kết quả kinh doanh năm 2019.



(*) Lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty.

Nhìn vào biểu đồ trên nhận thấy doanh thu thuần từ năm 2018 – 2020 có giảm do khó khăn từ sự tác động của dịch Covid 19 và các biện pháp cách ly xã hội khiến nhu cầu mua café chưa được ưu tiên so với hàng nhu yếu phẩm, ngược lại lợi nhuận sau thuế liên tục tăng qua các năm nhờ nỗ lực của bán hàng cũng như hiệu quả của việc tối ưu hóa các chi phí bằng việc thực hiện và đẩy mạnh cải tiến trong sản xuất, các biện pháp kiểm soát chi phí nguyên liệu đầu vào.

- Các sản phẩm chủ lực mang nhãn hiệu Vinacafé, Wakeup và đặc biệt Nước tăng lực vị cà phê Wake up Coffee 247 phát triển tốt, mang lại kết quả tốt cho Công ty.
- Tháng 12/2020 Công ty vinh dự được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn năm 2020-2022 và đây là lần thứ 7 liên tiếp Vinacafé Biên Hòa đạt Thương hiệu này. Điều đó khẳng định được vị thế của Công ty trên thị trường café trong nước cũng như khẳng định giá trị thương hiệu, giá trị chất lượng sản phẩm.

B. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Ban điều hành: Danh sách Ban điều hành Công ty cụ thể gồm 03 thành viên.

1. Họ và tên: Đoàn Quốc Hưng

Giới tính: Nam.

Năm sinh: 1972

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cổ phần: 0%

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh Tùng

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1969

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ cổ phần: 0%

3. Họ và tên: Phan Thị Thúy Hoa

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1977

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Tỷ lệ cổ phần: 0%

2. Chính sách lao động:

Những thành công mà Vinacafé Biên Hòa đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất, đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với Công ty dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn. Ngược lại, Công ty luôn xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo ra môi trường làm việc năng động, công bằng, thúc đẩy thành công.

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty có 262 cán bộ công nhân viên (bao gồm cả nhân viên của Công ty Cổ phần Café De Nam), trong đó có 58 nữ, chiếm 22,13 % lao động toàn Công ty.

Cơ cấu lao động như sau:

Trình độ học vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học, trên Đại học	78	29,77%
Cao đẳng, trung cấp	101	38,54%
Lao động phổ thông	83	31,69%

Ghi chú:

(*) tỷ lệ lao động phổ thông chủ yếu bao gồm lao động trực tiếp thực hiện công việc đóng gói, **kho hàng, lái xe, nhân viên vệ sinh**,...

Về điều kiện làm việc:

Văn phòng, nhà xưởng của Công ty ở cả 03 nhà máy đều rộng rãi, thoáng mát, trang bị máy móc thiết bị hiện đại tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên làm việc và sáng tạo.

- Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khỏi văn phòng), Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/ tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức làm việc theo ca. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về ngày, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

- Các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự thoải mái và phấn khởi, vui tươi trong cán bộ, công nhân viên (hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng tại các địa điểm du lịch, tổ chức cắm trại cho đoàn viên thanh niên, tổ chức dã ngoại cho các cháu thiếu nhi vào ngày Quốc tế thiếu nhi,...).
- Công ty tổ chức xe đưa đón hàng ngày cho các nhân viên tại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc tại Công ty.

Về an toàn lao động: khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao động về hành vi an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc. Trong năm 2020, bộ phận An Toàn- sức khỏe- môi trường của Công ty đã tổ chức huấn luyện 10.000 giờ về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu cho người lao động.

Về bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mua thêm Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động. Ngoài ra đối với cán bộ nhân viên cấp chuyên viên trở lên, Công ty có mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe nhân viên tốt hơn. Mỗi năm, Công ty đều tổ chức tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần, khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động định kỳ.

C. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: không có.

D. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (tỷ VNĐ)	Năm 2019 (tỷ VNĐ)	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.132	2.225	-4%
2	Doanh thu thuần	2.901	3.097	-6%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	890	864	3%
4	Kết quả hoạt động khác	(0)	(7)	-96%
5	Lợi nhuận trước thuế	902	791	14%
6	Lợi nhuận sau thuế	721	678	6%
7	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Cổ đông công ty	724	681	6%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	250%	-	

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng/ giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	2.58	2.12	22%
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	2.20	1.85	19%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ tổng tài sản	30%	35%	-5%
	+Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	42%	54%	-12%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	9.02	9.29	-3%
	+Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1.33	1.39	-5%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	25%	22%	3%
	+Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	49%	48%	1%
	+Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	31%	26%	5%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	33%	31%	2%

E. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

❖ CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	26.579.135
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.579.135
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có

❖ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Tổng số cổ đông của Công ty: 415 cổ đông (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 15/3/2021 bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán chi nhánh Hồ Chí Minh), nắm giữ 26.579.135 cổ phần của Công ty,
- Cơ cấu cổ đông:
Trong 415 cổ đông, có 342 cổ đông là cá nhân, tổ chức trong nước và 73 cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài với số lượng cổ phần cụ thể như sau:
 - Trong nước: 26.418.297 cổ phần
 - Nước ngoài: 160.838 cổ phần
- **Cổ đông lớn:** Công ty có 01 cổ đông lớn, bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỉ lệ
1	Công ty TNHH MTV Masan Beverage	26.257.975	98,79%

❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.



F. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và mối quan tâm xã hội luôn là tiêu chí quan trọng của Công ty trong suốt quá trình kinh doanh. Đối với Vinacafé Biên Hoà, chúng tôi luôn xác định Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi biết kết hợp tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh kết hợp với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh mục đích sản xuất, Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên ưu tiên hàng đầu. Trong suốt thời gian hoạt động, Vinacafé Biên Hoà luôn chấp hành tốt ý thức bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật và là thành viên của Hội bảo vệ thiên nhiên – môi trường tỉnh nhà.

1. Tác động lên môi trường:

- Hệ số phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp (bao gồm hệ số CO₂, CH₄, N₂O): 10.18 ton/ton.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
 - Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.
 - Đối với chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, Công ty giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hoặc tái chế, Đối với chất thải nguy hại, Công ty thực hiện việc lưu trữ theo đúng quy định và giao cho đơn vị có chức năng xử lý.
 - Quản lý và thực hiện quan trắc khí thải phát ra từ hoạt động sản xuất của Công ty theo đúng quy định.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng chi phí mua nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm: 1.698 tỷ đồng.
- Công ty có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất.
- Tái sử dụng nguyên vật liệu dư thừa, không sử dụng: ký kết Hợp đồng với đơn vị thu gom bã cà phê để sản xuất phân bón; sử dụng vỏ trấu cà phê đưa vào lò hơi Biomass để đốt.

3. Tiêu thụ năng lượng (điện, nước,...)

- Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2020: 6.909.450 KWh, nguồn cung cấp: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.
- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2020: 140.978 m³, nguồn cung cấp: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Nguồn năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
 - Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm nước trong sinh hoạt và sản xuất, Hiện nay, một phần lượng nước thải ra tại nhà máy Long Thành sau khi được xử lý đạt chuẩn A đã được sử dụng để tưới cây trong khuôn viên nhà máy.
 - Kiểm soát nguồn năng lượng chặt chẽ, đánh giá nguồn năng lượng hiện tại và đề ra các giải pháp sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng bằng việc xây dựng, duy trì và luôn cải tiến Hệ thống quản lý nguồn năng lượng ISO 50001:2011.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.



5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Trong năm 2020, VCF đã thực hiện nhiều hoạt động hướng về cộng đồng trong địa phương, bao gồm:
 - Tổng chi phí hỗ trợ: 150.000.000 đồng.
 - Tặng 100 suất quà cho người nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ.
 - Tặng 100 suất quà cho người nghèo neo đơn tại xã Xuân Hưng, huyện Tân Phú (chương trình phối hợp với kế hoạch từ thiện của Công an tỉnh Đồng Nai).
 - Trao 02 căn nhà tình thương cho hộ nghèo khó khăn tại xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ (Chương trình phối hợp của khối thi đua 16 Đồng Nai).





PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

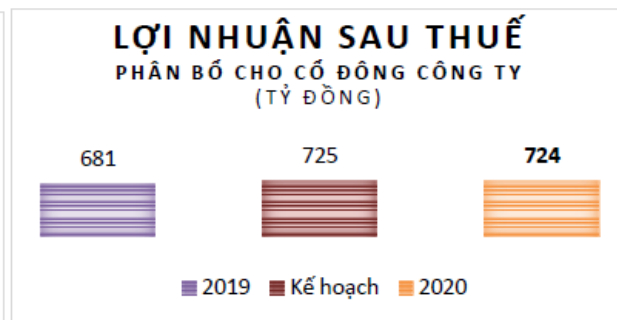
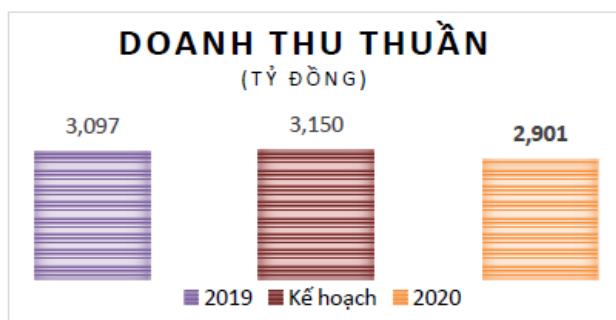
TẦM NHÌN

Luôn luôn đổi mới để cách mạng hóa cách thưởng thức cà phê của hàng triệu người Việt Nam và toàn thế giới với ly cà phê nguyên bản ngon độc đáo kiểu Việt Nam.

A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2020

Trong tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, năm 2020 là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới. Vinacafé Biên Hòa cũng không thoát khỏi bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Tuy vậy, với rất nhiều nỗ lực từ đội ngũ bán hàng ở tuyến đầu, các chương trình tung sản phẩm mới của marketing và nỗ lực tối ưu hóa, tiết giảm chi phí của khối cung ứng, chúng ta đã hoàn thành chỉ tiêu quan trọng trong kinh doanh, đó là lợi nhuận. Cụ thể, về doanh thu chúng ta đã đạt mức doanh thu thuần 2.901 tỷ tương đương 92% so với kế hoạch và giảm 6% so với doanh thu thuần năm 2019. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty đạt 724 tỷ đồng tương đương 99,86% so với kế hoạch và cao hơn 6% so với kết quả kinh doanh năm 2019.

	Đvt	2019	2020	% 2020/2019	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.097	2.901	-196	-6%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	681	724	43	6%
		Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% Kế hoạch/Thực hiện 2020	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.150	2.901	-249	-8%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	725	724	-1	0%



Một số điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2020:

1. Tiếp tục mô hình “xây dựng thương hiệu” phân phối thông qua hệ thống phân phối chuyên biệt và rộng lớn của Masan Consumer cho thấy những ưu điểm vượt trội về khả năng phân phối nhất là ở vùng nông thôn trên cả hai phương diện bao phủ rộng và tốc độ tiếp cận thị trường nhanh chóng.
2. Các sản phẩm chủ lực Vinacafé, WakeUp Sài Gòn, Wake-up Coffee 247 tiếp tục duy trì vị thế, là trụ cột giúp công ty đứng vững trong một năm đầy khó khăn do dịch bệnh.

3. Những nỗ lực tối ưu hóa về năng lượng và chi phí sản xuất thông qua các chương trình cải tiến và kiểm soát tốt giá nguyên liệu giúp cải thiện biên lãi gộp lên 3%.
4. Tối ưu hóa dòng tiền làm gia tăng lợi nhuận tài chính.
5. Năm 2020, Vinacafé Biên Hòa vinh dự 4 lần liên tiếp đạt Doanh nghiệp TOP 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống. Được chứng nhận là doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia cho giai đoạn năm 2020-2022 và đây là lần thứ 7 liên tiếp được công nhận.
6. Vinacafé luôn cập nhật và duy trì các hệ thống quản lý và chất lượng tiên tiến như: BRC, FSSC 22000, ISO 14001:2015, ISO 50001:2011, ISO 45000:2018, SA 8000:2014, FDA, Halal để sẵn sàng cho việc thâm nhập các thị trường khó tính, yêu cầu cao như EU và Bắc Mỹ.

B. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2020 tình hình kinh tế của Việt Nam cũng như thế giới có nhiều rủi ro, đặc biệt là sự lan tràn của Covid_19 kéo giảm sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu và Việt Nam, Ban điều hành đề xuất mục tiêu cho năm 2021 như sau:

		Thấp	Cao
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.900	3.000
Lợi nhuận sau thuế			
phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	710	730

C. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NĂM 2021

1. Đặt trọng tâm vào việc đột phá, sáng tạo trong việc phát triển phẩm mới, đáp ứng “***các nhu cầu chưa được thỏa mãn***” của người Việt Nam,
2. Giữ vững vị trí dẫn đầu trong ngành cà phê hoà tan với hai nhãn hiệu chủ lực là Vinacafe’ và Wake-Up.
3. Xây dựng nước tăng lực vị café Wake-up Coffee 247 trở thành cột trụ tăng trưởng chính của ngành đồ uống thông qua việc xây dựng thương hiệu và gia tăng độ phủ.
4. Thâm nhập sâu rộng hơn và mở rộng danh mục sản phẩm cho thị trường xuất khẩu
5. Tối đa hóa công suất và năng lực sản xuất của các nhà máy café hoà tan để tối ưu giá thành và nâng cao biên lãi gộp. Tìm hiểu, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao tỷ lệ thu hồi trong quá trình sản xuất.
6. Đặt trọng tâm vào người tiêu dùng thông qua 3 tôn chỉ Affordability, Availability & Assurance of Quality – Giá cả hợp lý, tiếp cận được người tiêu dùng mọi lúc, mọi nơi và đảm bảo chất lượng.



PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm 2020

Kết thúc năm 2020, vượt lên khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid 19 kéo dài, khó khăn từ giá nguyên liệu tăng, từ sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ khác trong thị trường cà phê hòa tan nội địa, với sự cố gắng không ngừng nghỉ, Vinacafé Biên Hòa đạt doanh thu thuần 2.901 tỷ đồng, tương đương 92% so với kế hoạch và giảm 6% so với doanh thu thuần năm 2019. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty đạt 724 tỷ đồng, tương đương 99,86% so với kế hoạch và cao hơn 6% so với kết quả kinh doanh năm 2019.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

3. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị Vinacafé Biên Hòa đã tiến hành họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản và đã quyết định các vấn đề sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	12/02/2020	Phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan.
2	02/2020/NQ-HĐQT	28/02/2020	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Thông qua các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
3	03/2020/NQ-HĐQT	27/4/2020	Phê duyệt việc tiếp tục chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị.
4	04/2020/NQ-HĐQT	12/6/2020	Thông qua các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
5	05/2020/NQ-HĐQT	23/6/2020	Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị
6	05A/2020/NQ-HĐQT	23/6/2020	Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay đổi người đại diện theo Pháp luật
7	06/2020/NQ-HĐQT	07/7/2020	Phê duyệt việc liên quan đến con dấu
8	07/2020/NQ-HĐQT	07/7/2020	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng
9	07A/2020/NQ-HĐQT	07/7/2020	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị
10	08/2020/NQ-HĐQT	06/10/2020	Tạm ứng cổ tức năm 2020

II- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Mục tiêu năm 2021

		Thấp	Cao
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.900	3.000
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	710	730

Các định hướng chiến lược:

- Vinacafé Biên Hòa tiếp tục đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Đẩy mạnh ngành hàng nước giải khát dựa trên sản phẩm chủ lực là cà phê.
- Các sản phẩm cà phê, từ cà phê, các sản phẩm thực phẩm và đồ uống mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc xây dựng thương hiệu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.



PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Danh sách và cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị:

Ngày 23/6/2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã quyết định Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 05 thành viên cho nhiệm kỳ mới năm 2020 – 2025 bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có tên bên dưới:

1. Họ và tên: Phạm Hồng Sơn

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1963

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Họ và tên: Trương Công Thắng

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1973

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

3. Họ và tên: Nguyễn Hoàng Yến

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1963

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

4. Họ và tên: Huỳnh Công Hoàn

Giới tính: Nam

Năm sinh: 1972

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

5. Họ và tên: Hồ Thúy Hạnh

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 1971

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Vinacafé Biên Hòa, chức danh mà các Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác.

❖ Ông Phạm Hồng Sơn:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 98,79%, trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu: 0%
 - + Đại diện sở hữu cho tổ chức – Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage: 98,79%
- Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
 - Phó Tổng Giám đốc: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings; Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo; Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha; Công ty Cổ phần Masan JinJu.
 - Chủ tịch Công ty: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan; Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến; Công ty TNHH Một thành viên Masan HD; Công ty TNHH Một thành viên Masan MB; Công ty TNHH Một thành viên Masan HG.
 - Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage;
 - Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan;

- Chủ tịch Công ty TNHH Masan HPC;
- Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH Masan Innovation;
- Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Hi – Fresh.

❖ **Ông Trương Công Thắng,**

- ❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.
- ❖ Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Masan Brewery;
 - Thành viên Ban Giám đốc Masan Consumer (ThaiLand) Limited;
 - Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM;
 - Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Thương mại tổng hợp VinCommerce;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần The Crown X;
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty TNHH The Sherpa;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bột giặt NET.

❖ **Bà Nguyễn Hoàng Yên:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.
- Chức danh nắm giữ tại công ty khác:
 - Thành viên Hội đồng quản trị của các Công ty: Công ty Cổ phần Masan; Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MasanConsumerHoldings;
 - Thành viên Hội đồng quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Masan PQ;
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cát Trắng;
 - Chủ tịch công ty: Công ty TNHH một thành viên Nam Ngư Phú Quốc; Chủ tịch Công ty Công ty TNHH Masan Long An.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bột giặt NET.

❖ **Ông Huỳnh Công Hoàn:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.
- Chức danh nắm giữ tại công ty khác: không.

❖ **Bà Hồ Thúy Hạnh:**

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết đến ngày báo cáo: 0%.
- Chức danh nắm giữ tại công ty khác: không.

3. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.

4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Là cơ quan quản trị Công ty, thực thi các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, giám sát, hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh phát triển Công ty, trong năm qua, Hội đồng

quản trị đã hoạt động đúng chức năng và luôn sát sao theo dõi tình hình hoạt động của Công ty và có các quyết định đúng đắn, kịp thời.

Thông qua các cuộc họp hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, Hội đồng Quản trị luôn quan tâm các báo cáo đánh giá hoạt động tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và kịp thời chỉ đạo các giải pháp trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã được phê duyệt.

Hội đồng Quản trị thông qua các Nghị quyết sau mỗi buổi họp định kỳ và theo yêu cầu đề thông qua các kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

Hội đồng Quản trị cũng luôn kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty. Đại diện Ban kiểm soát luôn được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, nhằm qua đó Hội đồng Quản trị và Ban điều hành có cơ hội trao đổi trực tiếp, cùng nhau bàn bạc, đóng góp ý kiến cũng như tiếp thu, ghi nhận ý kiến, đề xuất của Ban kiểm soát.

5. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành:

Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi thông tin thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành Công ty đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của Công ty.

6. Hoạt động giám sát thường xuyên của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

B. BAN KIỂM SOÁT

1. Danh sách và cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát:

Ngày 23/6/2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã quyết định Ban Kiểm soát Công ty bao gồm 03 thành viên cho nhiệm kỳ mới năm 2020 – 2025 bao gồm các thành viên Ban Kiểm soát Công ty có tên bên dưới:

1. Họ và tên: Huỳnh Thiên Phú
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1981
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

2. Họ và tên: Nguyễn Thành Luân
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1985
Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

3. Họ và tên: Mai Văn Cường
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1986
Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Vinacafé Biên Hòa:

STT	Tên thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Ông Huỳnh Thiên Phú	Trưởng BKS	-
2	Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên	-
3	Ông Mai Văn Cường	Thành viên	-

5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

a. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện những nội dung công việc chính sau:

- Thực hiện công tác giám sát các hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 2020.
- Xem xét và đánh giá báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và kết thúc năm 2020.
- Kiểm soát và đề xuất các biện pháp ngăn ngừa các hoạt động có thể dẫn đến rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2020

- Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên 2020.
- Hội đồng Quản trị đã quản lý, chỉ đạo các hoạt động của Công ty tuân thủ qui định Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị họp định kỳ và đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát.

c. Hoạt động của Ban Điều hành và thẩm định BCTC năm 2020:

- Trong năm 2020, Ban điều hành đã có những hành động và chiến lược trong hoạt động sản xuất kinh doanh để Công ty đạt kết quả khả quan.

- Một số chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2020 (trên cơ sở hợp nhất) được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng/(giảm)	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	2.901	3.097	(196)	-6%
Giá vốn hàng	2.011	2.233	(222)	-10%
Lợi nhuận gộp	890	864	26	3%
Chi phí bán hàng	7	17	(10)	-59%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	39	(12)	-31%
Lợi nhuận tài chính	45	(10)	55	550%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	721	678	43	6%
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty	724	681	43	6%

	Năm 2020	Năm 2019	Tăng	%
	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	
EPS	27.224	25.615	1.609	6%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020^(*)	So với kế hoạch	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	2.901	3.150	-249	-8%
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty	724	725	-1	-0,1%

- Doanh thu thuần năm 2020 đạt 2.901 tỷ đồng, thấp hơn so với kế hoạch 2020. Kết quả thực hiện Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho Cổ đông Công ty năm 2020 đạt 724 tỷ đồng tăng 6% so với năm 2019 và giảm 0,1% so với kế hoạch 2020 (mức thấp).
- Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định về những vấn đề chính yếu của Công ty nhằm triển khai thực hiện kịp thời các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo sát Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.
- Công tác kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh trung thực hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- Việc luân chuyển, lưu trữ, sử dụng và bảo quản chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị của cổ đông liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành.

(*) Kế hoạch: là số mức thấp theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên 2020

d. Mối quan hệ của Ban điều hành và Người lao động

- Ban điều hành và Người lao động luôn đặt trọng tâm vào kết quả sản xuất kinh doanh, cùng bàn bạc, thảo luận và đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn.
- Quyền lợi của Người lao động được chăm lo đầy đủ, đúng chế độ qui định như: Chế độ phúc lợi xã hội, chế độ thi đua khen thưởng v.v...

e. Kết luận

- Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát thống nhất ý kiến với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.
- Hội đồng Quản trị và Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát làm việc theo đúng chức năng mà luật pháp và điều lệ của Công ty đã quy định.

f. Kế hoạch làm việc của ban kiểm soát năm 2021

- Thăm tra báo cáo tài chính năm 2021 và trình Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2022 báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.
- Căn cứ vào nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2021, xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

C. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

1. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2020:

❖ Chi phí hoạt động năm 2020 của Hội đồng Quản trị và từng thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chi phí hoạt động năm 2020 (VND) (*)
1.	Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch (từ 23/6/2020)	0
2.	Phạm Quang Vũ	Chủ tịch (đến 23/6/2020)	900.000.000
3.	Nguyễn Nam Hải	Thành viên (đến 23/6/2020)	119.090.909
4.	Phạm Đình Toại	Thành viên (đến 23/6/2020)	0
5.	Trương Công Thắng	Thành viên (từ 23/6/2020)	0
6.	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (từ 23/6/2020)	0
7.	Huỳnh Công Hoàn	Thành viên (từ 23/6/2020)	0
8.	Hồ Thúy Hạnh	Thành viên (từ 23/6/2020)	0
TỔNG CỘNG			1.019.090.909

❖ **Chi phí hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát và từng thành viên:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chi phí hoạt động năm 2020 (VND) (*)
1.	Huỳnh Thiên Phú	Trưởng BKS	0
2.	Nguyễn Thành Luân	Thành viên	0
3.	Nguyễn Công Tuấn	Thành viên (đến 23/6/2020)	0
4.	Mai Văn Cường	Thành viên (từ 23/6/2020)	0
TỔNG CỘNG			0

Ghi chú: (*) Các ông bà gồm Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Hoàng Yến, Trương Công Thắng, Phạm Đình Toại, Huỳnh Công Hoàn, Hồ Thúy Hạnh, Huỳnh Thiên Phú, Nguyễn Thành Luân, Mai Văn Cường có văn bản từ chối nhận thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Công ty.

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu Sở hữu Cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH MTV Masan Beverage	Công ty mẹ/ người có liên quan của người nội bộ	26.178.135	98,49%	26.257.975	98,79%	Mua thêm

3. Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với Công ty):

- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây: Công ty đã phát sinh các giao dịch mua bán hàng hoá, nguyên vật liệu nội bộ, tài sản cố định, chia sẻ chi phí, cho vay, nhận bảo lãnh, xúc tiến thương mại, chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu với các công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc.
- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành: không có.
- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

PHẦN 6:
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020 ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
 Đăng ký Doanh nghiệp số**

3600261626

ngày 29 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Phạm Hồng Sơn

Chủ tịch

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2020)

Thành viên

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)

Phạm Quang Vũ

Chủ tịch

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)

Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Trương Công Thắng

Thành viên

Huỳnh Công Hoàn

Thành viên

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2020)

Hồ Thúy Hạnh

Thành viên

(từ ngày 23 tháng 6 năm 2020)

Phạm Đình Toại

Thành viên

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)

Nguyễn Nam Hải

Thành viên

(đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)

Ban Giám đốc

Đoàn Quốc Hưng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1

Phường An Bình

Thành phố Biên Hòa

Tỉnh Đồng Nai

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Phay mặt Ban Giám đốc



Đoàn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 3 tháng 3 năm 2021

42
H
T
P
H



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00301-21-2



Trưởng Văn Phòng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2020-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.619.382.377.622	1.651.014.347.917
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	201.559.823.160	218.388.319.710
Tiền	111		20.059.823.160	51.388.319.710
Các khoản tương đương tiền	112		181.500.000.000	167.000.000.000
Các khoản phải thu – ngắn hạn	130		1.172.535.183.612	1.214.118.987.237
Phải thu của khách hàng	131	6	226.823.642.968	1.208.801.211.350
Trả trước cho người bán	132		1.088.680.415	2.281.018.986
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	944.622.860.229	3.036.756.901
Hàng tồn kho	140	8	236.715.265.299	209.196.938.479
Hàng tồn kho	141		236.725.530.632	210.187.420.104
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.265.333)	(990.481.625)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.572.105.551	9.310.102.491
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		452.269.144	799.744.651
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.115.349.938	8.510.357.840
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	153		4.486.469	-



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

5

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		512.396.964.606	574.314.489.337
Các khoản phải thu – dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	5.000.000	5.000.000
Tài sản cố định	220		465.666.561.462	524.528.739.209
Tài sản cố định hữu hình	221	9	465.357.284.313	524.004.084.537
Nguyên giá	222		1.096.484.179.026	1.088.800.433.070
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(631.126.894.713)	(564.796.348.533)
Tài sản cố định vô hình	227	10	309.277.149	524.654.672
Nguyên giá	228		2.180.358.879	2.180.358.879
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.871.081.730)	(1.655.704.207)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.611.020.720	1.699.576.081
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.611.020.720	1.699.576.081
Tài sản dài hạn khác	260		45.114.382.424	48.081.174.047
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.747.386.756	20.722.086.182
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	9.646.604.382	9.921.085.871
Lợi thế thương mại	269	14	14.720.391.286	17.438.001.994
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.131.779.342.228	2.225.328.837.254

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		633.342.602.272	783.257.864.116
Nợ ngắn hạn	310		628.116.929.272	778.141.786.866
Phải trả người bán	311	15	162.459.760.504	295.275.392.610
Người mua trả tiền trước	312		1.019.768.792	1.433.428.343
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	99.562.489.090	82.164.306.392
Chi phí phải trả	315	17	23.075.152.579	27.621.771.870
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	3.724.116.743	5.208.349.357
Vay ngắn hạn	320	19	317.243.744.106	345.406.640.836
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.031.897.458	21.031.897.458
Nợ dài hạn	330		5.225.673.000	5.116.077.250
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	279.450.000	279.450.000
Dự phòng phải trả – dài hạn	342		4.946.223.000	4.836.627.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.498.436.739.956	1.442.070.973.138
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.498.436.739.956	1.442.070.973.138
Vốn cổ phần	411	21	265.791.350.000	265.791.350.000
<i>- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.510.848.947	213.510.848.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.002.800.069.975	943.676.859.714
<i>- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		279.198.484.714	262.856.790.882
<i>- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này/năm trước</i>	421b		723.601.585.261	680.820.068.832
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(13.639.770.934)	(10.882.327.491)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.131.779.342.228	2.225.328.837.254

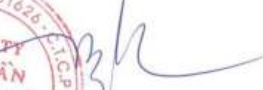
Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng


Đoàn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

7

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	2.902.455.374.781	3.102.829.367.605
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.162.717.432	5.383.639.889
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	2.901.292.657.349	3.097.445.727.716
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	2.010.957.380.215	2.232.972.093.529
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		890.335.277.134	864.473.634.187
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	65.765.448.691	10.514.020.569
Chi phí tài chính	22	26	20.383.504.195	20.623.219.469
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.938.538.162	19.262.766.855
Chi phí bán hàng	25	27	6.900.271.350	17.218.272.083
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	26.727.403.421	38.875.429.486
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		902.089.546.859	798.270.733.718
Thu nhập khác	31		-	14.680.080
Chi phí khác	32		273.187.864	6.866.402.123
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(273.187.864)	(6.851.722.043)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		901.816.358.995	791.419.011.675
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	180.697.735.688	120.785.908.465
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	274.481.489	(7.143.069.443)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang tiếp theo)	60		720.844.141.818	677.776.172.653

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	60		720.844.141.818	677.776.172.653
Phân bổ:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		723.601.585.261	680.820.068.832
Cổ đông không kiểm soát	62		(2.757.443.443)	(3.043.896.179)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	27.224	25.615

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


 Phan Thị Thúy Hoa
 Kế toán Trưởng


 Đoàn Quốc Hưng
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

9

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	901.816.358.995	791.419.011.675
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	69.546.384.521	81.905.162.296
Các khoản dự phòng	03	816.056.175	1.131.130.269
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(527.818.896)	(565.943.443)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(63.934.135.608)	(8.396.088.393)
Chi phí lãi vay	06	12.938.538.162	19.262.766.855
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	920.655.383.349	884.756.039.259
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	985.746.435.955	(119.507.654.981)
Biến động hàng tồn kho	10	(28.224.787.245)	59.851.994.176
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(144.170.687.406)	(62.017.781.156)
Biến động chi phí trả trước	12	4.810.438.733	5.731.308.178
		1.738.816.783.386	768.813.905.476
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.464.431.436)	(18.658.104.293)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(158.607.916.091)	(91.140.550.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.565.744.435.859	659.015.250.201
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(11.527.743.220)	(10.497.431.734)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	29.400.080	191.478.015
Tiền chi cho vay	23	(600.000.000.000)	-
Tiền chi cho hoạt động đầu tư khác	23	(1.170.000.000.000)	-
Tiền thu hồi từ cho vay	24	600.000.000.000	-
Tiền thu hồi từ hoạt động đầu tư khác	24	250.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	40.403.205.346	8.847.733.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(891.095.137.794)	(1.458.219.850)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.208.322.129.561	1.359.631.943.583
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.236.485.026.291)	(1.356.872.668.079)
Tiền trả cổ tức	36	(663.899.725.000)	(637.666.728.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(692.062.621.730)	(634.907.452.496)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(17.413.323.665)	22.649.577.855
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	218.388.319.710	195.173.528.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	584.827.115	565.213.443
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	201.559.823.160	218.388.319.710

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:


Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng


Đoàn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

11

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê, ngũ cốc ăn liền và thức uống không cồn cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1 công ty con có vốn sở hữu trực tiếp (1/1/2020: 1 công ty con có vốn sở hữu trực tiếp). Chi tiết thông tin của công ty con được mô tả như sau:

Tên	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	
			31/12/2020	1/1/2020
Công ty Cổ phần Café De Nam	Sản xuất đồ uống và thương mại	Lô đất C I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	85%	85%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 262 nhân viên (1/1/2020: 286 nhân viên).

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

THÀNH VIÊN

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi ra từ giao dịch này tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn, và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát cần xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính vòng 3 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn còn lại của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.



==
N
:
P
==

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(p) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, thu nhập lãi từ các khoản cho vay phải thu và các khoản đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và lỗ từ hoạt động tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của các bộ phận bao gồm các khoản mục liên quan trực tiếp đến một bộ phận cùng các khoản có thể được phân bổ trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục chưa được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và thu nhập liên quan, các khoản đầu tư và thu nhập liên quan, các khoản vay và cho vay và các chi phí liên quan, tài sản của trụ sở chính của Công ty, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản thuế thu nhập và các khoản nợ và chi phí, và các khoản mục có liên quan đến nhiều hơn một bộ phận và không thể phân bổ hợp lý cho một bộ phận.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và thức uống không cồn; và
- Khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cà phê và thức uống không cồn VND	Khác (*) VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.373.332.942.547	527.959.714.802	2.901.292.657.349
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(1.666.355.939.935)	(344.601.440.280)	(2.010.957.380.215)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	706.977.002.612	183.358.274.522	890.335.277.134
Chi phí bán hàng không phân bổ			(6.900.271.350)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(26.727.403.421)
Doanh thu hoạt động tài chính			65.765.448.691
Chi phí tài chính			(20.383.504.195)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			902.089.546.859
Kết quả từ các hoạt động khác			(273.187.864)
Chi phí thuế thu nhập			(180.972.217.177)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			720.844.141.818

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Cà phê và thức uống không cồn VND	Khác (*) VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.650.681.396.619	446.764.331.097	3.097.445.727.716
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(1.917.023.063.486)	(315.949.030.043)	(2.232.972.093.529)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	733.658.333.133	130.815.301.054	864.473.634.187
Chi phí bán hàng không phân bổ			(17.218.272.083)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(38.875.429.486)
Doanh thu hoạt động tài chính			10.514.020.569
Chi phí tài chính			(20.623.219.469)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			798.270.733.718
Kết quả từ các hoạt động khác			(6.851.722.043)
Chi phí thuế TNDN			(113.642.839.022)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			677.776.172.653

(*) Khác bao gồm ngũ cốc và các mặt hàng khác.

Tài sản và nợ phải trả không thể phân bổ cho các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	12.037.129	65.403.819
Tiền gửi ngân hàng	20.047.786.031	51.322.915.891
Các khoản tương đương tiền	181.500.000.000	167.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	201.559.823.160	218.388.319.710

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu từ các bên liên quan	206.961.247.368	1.179.293.309.678
Phải thu từ các bên thứ ba	19.862.395.600	29.507.901.672
	226.823.642.968	1.208.801.211.350

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư giữa Tập đoàn và các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền đặt cọc cho hoạt động đầu tư khác (*)	920.000.000.000	-
Lãi dự thu từ hoạt động đầu tư khác (*)	23.765.068.492	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	92.887.671	185.342.466
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	167.000.000	2.337.656.100
Phải thu khác	597.904.066	513.758.335
	944.622.860.229	3.036.756.901

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các số dư này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba cam kết với Tập đoàn tỷ suất lợi nhuận tối thiểu trên số tiền đã đặt cọc là 6,5% một năm (1/1/2020: Không).

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000

8. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	5.717.017.500	-	3.392.741.499	-
Nguyên vật liệu	188.584.317.770	(10.265.333)	152.418.926.814	(225.704.420)
Công cụ và dụng cụ	8.090.616.853	-	8.906.182.488	(764.777.205)
Thành phẩm	33.662.323.452	-	44.679.299.729	-
Hàng hóa	671.255.057	-	790.269.574	-
	236.725.530.632	(10.265.333)	210.187.420.104	(990.481.625)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	990.481.625	1.294.019.791
Tăng dự phòng trong năm	706.460.425	2.737.850.521
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.686.676.717)	(3.002.643.185)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(38.745.502)
Số dư cuối năm	10.265.333	990.481.625

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 10 triệu VND (1/1/2020: 990 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	203.391.022.636	874.458.683.919	6.464.770.844	4.485.955.671	1.088.800.433.070
Tăng trong năm	-	325.000.000	-	-	325.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	177.937.500	7.634.742.081 (273.733.625)	- (180.200.000)	-	7.812.679.581 (453.933.625)
Số dư cuối năm	203.568.960.136	882.144.692.375	6.284.570.844	4.485.955.671	1.096.484.179.026
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	73.831.982.997	483.652.547.453	3.525.479.713	3.786.338.370	564.796.348.533
Khấu hao trong năm	10.113.317.060	55.806.387.196 (102.650.110)	543.532.815 (180.200.000)	150.159.219	66.613.396.290 (282.850.110)
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	83.945.300.057	539.356.284.539	3.888.812.528	3.936.497.589	631.126.894.713
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	129.559.039.639	390.806.136.466	2.939.291.131	699.617.301	524.004.084.537
Số dư cuối năm	119.623.660.079	342.788.407.836	2.395.758.316	549.458.082	465.357.284.313

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 278.826 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 272.352 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.304.073.640	876.285.239	2.180.358.879
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.212.406.973	443.297.234	1.655.704.207
Khấu hao trong năm	91.666.667	123.710.856	215.377.523
Số dư cuối năm	1.304.073.640	567.008.090	1.871.081.730
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	91.666.667	432.988.005	524.654.672
Số dư cuối năm	-	309.277.149	309.277.149

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.304 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 1.004 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND
Số dư đầu năm	1.699.576.081
Tăng trong năm	12.212.388.020
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.812.679.581)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.488.263.800)
Số dư cuối năm	1.611.020.720

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn cuối năm như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Máy móc và thiết bị	1.611.020.720	1.699.576.081

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	14.097.581.429	6.624.504.753	20.722.086.182
Tăng trong năm	-	192.613.362	192.613.362
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản			
dở dang	-	4.488.263.800	4.488.263.800
Phân bổ trong năm	(402.788.040)	(4.252.788.548)	(4.655.576.588)
Số dư cuối năm	13.694.793.389	7.052.593.367	20.747.386.756

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.876.299	8.958.371
Các khoản phải trả và dự phòng	2.635.728.083	2.912.127.500
	9.646.604.382	9.921.085.871

14. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	27.176.107.031
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.738.105.037
Phân bổ trong năm	2.717.610.708
Số dư cuối năm	12.455.715.745
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	17.438.001.994
Số dư cuối năm	14.720.391.286

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

	31/12/2020 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2020 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên thứ ba	128.737.377.390	207.911.753.470
Phải trả các bên liên quan	33.722.383.114	87.363.639.140
	162.459.760.504	295.275.392.610

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.516.248.108	180.697.735.688	(158.607.916.091)	-	-	88.606.067.705
Thuế giá trị gia tăng	15.484.919.988	272.710.454.292	(127.478.856.700)	(149.931.445.861)	-	10.785.071.719
Thuế thu nhập cá nhân	163.138.296	2.115.124.381	(2.021.006.643)	(90.392.837)	4.486.469	171.349.666
Thuế xuất nhập khẩu	-	866.497.678	(866.497.678)	-	-	-
Thuế khác	-	12.064.071.389	(12.064.071.389)	-	-	-
	82.164.306.392	468.453.883.428	(301.038.348.501)	(150.021.838.698)	4.486.469	99.562.489.090



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Thưởng và lương tháng 13	13.101.097.327	12.126.269.277
Chi phí gia công	5.679.173.340	826.373.453
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.263.500.000	89.600.000
Chi phí lãi vay	810.169.548	2.336.062.822
Chi phí kho vận	551.483.712	1.057.947.193
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	311.862.500	4.106.578.778
Chi phí khác	1.357.866.152	7.078.940.347
	23.075.152.579	27.621.771.870

18. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	2.463.340.000	1.884.690.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	381.882.500	289.442.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	202.588.375	199.196.539
Phải trả khác cho một bên liên quan	-	1.963.086.273
Phải trả khác	676.305.868	871.934.045
	3.724.116.743	5.208.349.357

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	279.450.000	279.450.000

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	345.406.640.836	1.208.322.129.561	(1.236.485.026.291)	317.243.744.106

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	2,3% - 2,7%	317.243.744.106	345.406.640.836

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Tập đoàn không có khoản nợ nào quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	900.756.030.882	(7.838.431.312)	1.402.194.040.485
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	680.820.068.832	(3.043.896.179)	677.776.172.653
Cổ tức (**)	-	-	-	(637.899.240.000)	-	(637.899.240.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	943.676.859.714	(10.882.327.491)	1.442.070.973.138
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	723.601.585.261	(2.757.443.443)	720.844.141.818
Cổ tức (**)	-	-	-	(664.478.375.000)	-	(664.478.375.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.002.800.069.975	(13.639.770.934)	1.498.436.739.956

(*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(**) Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 6 năm 2020 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 664.478.375.000 VND (2019: 637.899.240.000 VND).

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần		29.974.241.968		29.974.241.968

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng 1 năm	4.944.792.000	11.736.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	3.726.000	10.854.000
	4.948.518.000	22.590.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	303.667	6.979.786.225	1.638.521	37.866.230.016

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	7.370.127.180	2.983.051.375
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	685.532.100	7.973.760.744
	8.055.659.280	10.956.812.119

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.898.295.524.483	3.081.334.271.244
▪ Doanh thu khác	4.159.850.298	21.495.096.361
	2.902.455.374.781	3.102.829.367.605
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	1.162.717.432	5.383.639.889
Doanh thu thuần	2.901.292.657.349	3.097.445.727.716

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.991.192.385.215	2.188.336.665.022
▪ Giá vốn khác	19.058.534.575	41.936.323.488
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	706.460.425	2.699.105.019
	2.010.957.380.215	2.232.972.093.529

100/100

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và hoạt động đầu tư khác	34.158.010.825	8.396.884.554
Lãi tiền gửi từ cho một bên liên quan vay	29.917.808.218	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.689.629.648	1.078.313.615
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.038.822.400
	65.765.448.691	10.514.020.569

26. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	12.938.538.162	19.262.766.855
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	155.938.303	566.767.814
Chi phí tài chính khác	7.289.027.730	793.684.800
	20.383.504.195	20.623.219.469

27. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	516.467.679	7.114.534.585
Chi phí kho vận	2.508.340.963	5.627.053.584
Chi phí nhân viên	1.205.818.480	2.284.631.101
Chi phí bán hàng khác	2.669.644.228	2.192.052.813
	6.900.271.350	17.218.272.083

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	11.040.427.739	24.407.560.735
Phân bổ lợi thế thương mại	2.717.610.708	2.717.610.708
Phí quản lý	3.598.063.998	480.000.000
Chi phí nghiên cứu và phát triển	355.880.381	1.137.967.242
Chi phí khấu hao	590.579.771	607.671.787
Thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	203.295.606	443.104.774
Chi phí khác	8.221.545.218	9.081.514.240
	26.727.403.421	38.875.429.486

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.698.045.477.741	1.891.571.830.098
Chi phí nhân công và nhân viên	95.993.340.550	98.601.594.026
Chi phí khấu hao	69.546.384.521	81.905.162.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.010.335.944	167.412.992.185
Chi phí khác	50.989.516.230	49.574.216.493

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	184.459.176.203	134.776.678.111
Dự phòng thừa trong các năm trước	(3.761.440.515)	(13.990.769.646)
	180.697.735.688	120.785.908.465
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	274.481.489	(6.875.651.764)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(267.417.679)
	274.481.489	(7.143.069.443)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	180.972.217.177	113.642.839.022

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	901.816.358.995	791.419.011.675
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	180.363.271.799	158.283.802.335
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(267.417.679)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	543.522.140	543.522.140
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.635.134.640	4.947.554.121
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với dự án đầu tư mở rộng	-	(22.420.752.890)
Dự phòng thừa trong các năm trước	(3.761.440.515)	(13.990.769.646)
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận (*)	191.729.113	(13.453.099.359)
	180.972.217.177	113.642.839.022



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời và lỗ tính thuế của công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó. Lỗ tính thuế của công ty con phụ thuộc vào việc xem xét của cơ quan thuế và chưa được quyết toán.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tiên (2005 đến 2016) vì Công ty là công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty Nhà nước trước năm 2006. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2005 đến 2007) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo (2008 đến 2014). Toàn bộ các ưu đãi về thuế nêu trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác và thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng, theo đó các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông.

Công ty được cấp Giấy phép Đầu tư số 47221000778 ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho Nhà máy sản xuất Cà phê Biên Hòa II tại Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (“Nhà máy Long Thành”). Theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất, lợi nhuận tính thuế từ Nhà máy Long Thành sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông và được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên Nhà máy Long Thành có thu nhập chịu thuế (2014 đến 2015); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 đến 2019).

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyên gia và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm là 723.601.585.261 VND (2019: 680.820.068.832 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 26.579.135 (2019: 26.579.135), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	723.601.585.261	680.820.068.832

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020	2019
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm	26.579.135	26.579.135

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020	2019
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.224	25.615

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Vì vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
	2020	2019	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND	VND	VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan				
Bán hàng hóa	2.464.386.422.912	2.709.136.387.454	190.431.486.780	1.055.405.027.473
Bán dịch vụ	186.746.021.000	128.438.345.000	10.801.005.600	123.797.050.300
Mua hàng hóa	102.354.154.877	109.866.842.707	-	-
Mua tài sản cố định	325.000.000	-	-	-
Công ty mẹ				
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage				
Cổ tức	656.449.375.000	628.275.240.000	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan				
Bán hàng hóa	408.712.838	1.136.560.920	6.999.300	10.502.415
Mua hàng hóa	5.827.490.240	618.910.612	(3.251.498.113)	(182.793.171)
Mua dịch vụ	32.147.402.876	28.714.697.366	(8.026.013.092)	(9.378.428.200)
Phí quản lý	3.598.063.998	480.000.000	(3.957.870.398)	-
Bán tài sản cố định	29.400.080	155.544.481	-	-
Cho vay	600.000.000.000	-	-	-
Thu hồi khoản cho vay	600.000.000.000	-	-	-
Thu nhập lãi cho vay	29.917.808.218	-	-	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo				
Bán hàng hóa và dịch vụ	8.713.200	20.042.719.830	-	-
Mua hàng hóa	65.646.865.734	135.225.318.819	(13.503.776.971)	(37.487.475.792)
Mua dịch vụ	51.866.079.072	74.163.238.704	(5.526.180.000)	(42.278.028.250)



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
	2020	2019	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Một				
Thành viên Masan MB				
Bán hàng hóa và dịch vụ	20.791.403.040	18.429.305.391	1.227.113.448	-
Mua hàng hóa	10.797.540.156	51.700.000	-	-
Công ty TNHH Một				
Thành viên Masan HG				
Bán hàng hóa	5.582.670.045	70.335.900	4.494.642.240	77.369.490
Mua hàng hóa	75.978.496	-	-	-
Công ty TNHH Một				
Thành viên Masan HD				
Bán hàng hóa	1.980.000	6.690.909	-	3.360.000
Công ty TNHH Một				
Thành viên Masan Brewery Distribution				
Mua hàng hóa	6.259.091	60.557.727	-	-
Công ty TNHH Một				
Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến				
Mua hàng hóa	35.275.632	-	(9.460.000)	-
Công ty Cổ phần Masan JinJu				
Mua hàng hóa	12.660.574	-	-	-
Công ty Cổ phần Bột giặt NET				
Mua hàng hóa	8.770.908	-	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao	6.592.660.523	7.067.379.527	-	-



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo các điều khoản thương mại thông thường.

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể là:

Tên	Vị trí	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch (từ ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-
	Thành viên (đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)	
Ông Phạm Quang Vũ	Chủ tịch (đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)	900.000.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-
Ông Huỳnh Công Hoàn	Thành viên (từ ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-
Bà Hồ Thúy Hạnh	Thành viên (từ ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-
Ông Phạm Đình Toại	Thành viên (đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-
Ông Nguyễn Nam Hải	Thành viên (đến ngày 23 tháng 6 năm 2020)	119.090.909
Tên	Vị trí	VND
Ban Giám đốc		
Ông Đoàn Quốc Hưng (*)	Tổng Giám đốc	3.598.063.998

(*) Công ty liên quan của Tập đoàn trực tiếp chi trả khoản lương này.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Trong tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 17.000.000 cổ phiếu phát hành mới (tương đương 12,77% lợi ích) trong Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”), một công ty con. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích của Công ty trong CDN đã tăng lên từ 85% lên 97,77%.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 3 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng



Đoàn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

**ĐỊA CHỈ: KCN BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH,
TP. BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI**